

Phụ lục III

CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 (LẦN 1) CÁC XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 (Bố trí vốn đầu tư cho 102 xã, phường, đặc khu (lần 01))				Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:			
			Nguồn vốn chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Nguồn vốn thu tiền xổ số kiến thiết	Nguồn thu tiền sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG SỐ	2.101.379	1.071.000	459.000	571.379	
1	UBND Phường Rạch Giá	97.526	10.500	4.500	82.526	
2	UBND Phường Vĩnh Thông	23.211	10.500	4.500	8.211	
3	UBND Đặc khu Kiên Hải	15.892	10.500	4.500	892	
4	UBND Đặc khu Phú Quốc	193.500	10.500	4.500	178.500	
5	UBND Đặc khu Thổ Châu	15.000	10.500	4.500		
6	UBND Phường Hà Tiên	23.955	10.500	4.500	8.955	
7	UBND Phường Tô Châu	24.264	10.500	4.500	9.264	
8	UBND xã Tiên Hải	15.256	10.500	4.500	256	
9	UBND xã Giang Thành	15.357	10.500	4.500	357	
10	UBND xã Vĩnh Điều	15.208	10.500	4.500	208	
11	UBND xã Bình Giang	15.042	10.500	4.500	42	
12	UBND xã Bình Sơn	15.101	10.500	4.500	101	
13	UBND xã Hòn Đất	16.190	10.500	4.500	1.190	
14	UBND xã Sơn Kiên	15.333	10.500	4.500	333	
15	UBND xã Mỹ Thuận	15.714	10.500	4.500	714	
16	UBND xã Hòa Điền	15.595	10.500	4.500	595	
17	UBND xã Kiên Lương	19.165	10.500	4.500	4.165	
18	UBND xã Hòn Nghệ	15.000	10.500	4.500		
19	UBND xã Sơn Hải	15.000	10.500	4.500		
20	UBND xã Tân Hội	15.428	10.500	4.500	428	
21	UBND xã Tân Hiệp	18.665	10.500	4.500	3.665	
22	UBND xã Thạnh Đông	15.565	10.500	4.500	565	
23	UBND xã Thạnh Lộc	25.817	10.500	4.500	10.817	
24	UBND xã Châu Thành	38.592	10.500	4.500	23.592	
25	UBND xã Bình An	28.983	10.500	4.500	13.983	
26	UBND xã Giồng Riềng	16.333	10.500	4.500	1.333	
27	UBND xã Thạnh Hưng	15.530	10.500	4.500	530	
28	UBND xã Long Thạnh	15.375	10.500	4.500	375	
29	UBND xã Hòa Hưng	15.500	10.500	4.500	500	
30	UBND xã Ngọc Chúc	15.494	10.500	4.500	494	
31	UBND xã Hòa Thuận	15.315	10.500	4.500	315	

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 (Bố trí vốn đầu tư cho 102 xã, phường, đặc khu (lần 01))				Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:			
			Nguồn vốn chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Nguồn vốn thu tiền xổ số kiến thiết	Nguồn thu tiền sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7
32	UBND xã Định Hòa	15.637	10.500	4.500	637	
33	UBND xã Gò Quao	16.220	10.500	4.500	1.220	
34	UBND xã Vĩnh Hòa Hưng	15.648	10.500	4.500	648	
35	UBND xã Vĩnh Tuy	15.398	10.500	4.500	398	
36	UBND xã Tây Yên	15.655	10.500	4.500	655	
37	UBND xã Đông Thái	15.803	10.500	4.500	803	
38	UBND xã An Biên	16.993	10.500	4.500	1.993	
39	UBND xã Đông Hòa	15.625	10.500	4.500	625	
40	UBND xã Tân Thạnh	15.268	10.500	4.500	268	
41	UBND xã Đông Hưng	15.060	10.500	4.500	60	
42	UBND xã An Minh	17.202	10.500	4.500	2.202	
43	UBND xã Vân Khánh	15.059	10.500	4.500	59	
44	UBND xã Vĩnh Bình	16.458	10.500	4.500	1.458	
45	UBND xã Vĩnh Thuận	15.178	10.500	4.500	178	
46	UBND xã Vĩnh Phong	16.577	10.500	4.500	1.577	
47	UBND xã Vĩnh Hòa	15.833	10.500	4.500	833	
48	UBND xã U Minh Thượng	16.071	10.500	4.500	1.071	
49	UBND Phường Long Xuyên	71.162	10.500	4.500	56.162	
50	UBND Phường Bình Đức	30.250	10.500	4.500	15.250	
51	UBND Phường Mỹ Thới	25.293	10.500	4.500	10.293	
52	UBND xã Mỹ Hòa Hưng	15.619	10.500	4.500	619	
53	UBND xã An Châu	20.444	10.500	4.500	5.444	
54	UBND xã Bình Hòa	18.749	10.500	4.500	3.749	
55	UBND xã Cần Đăng	17.160	10.500	4.500	2.160	
56	UBND xã Vĩnh Hanh	17.302	10.500	4.500	2.302	
57	UBND xã Vĩnh An	17.475	10.500	4.500	2.475	
58	UBND xã Thoại Sơn	18.510	10.500	4.500	3.510	
59	UBND xã Óc Eo	18.695	10.500	4.500	3.695	
60	UBND xã Định Mỹ	19.712	10.500	4.500	4.712	
61	UBND xã Phú Hòa	20.819	10.500	4.500	5.819	
62	UBND xã Vĩnh Trạch	18.183	10.500	4.500	3.183	
63	UBND xã Tây Phú	17.600	10.500	4.500	2.600	
64	UBND Phường Châu Đốc	26.376	10.500	4.500	11.376	
65	UBND Phường Vĩnh Tế	16.487	10.500	4.500	1.487	
66	UBND xã Mỹ Đức	15.298	10.500	4.500	298	
67	UBND xã Vĩnh Thạnh Trung	15.893	10.500	4.500	893	
68	UBND xã Châu Phú	16.071	10.500	4.500	1.071	

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 (Bố trí vốn đầu tư cho 102 xã, phường, đặc khu (lần 01))				Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:			
			Nguồn vốn chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Nguồn vốn thu tiền xổ số kiến thiết	Nguồn thu tiền sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7
69	UBND xã Bình Mỹ	15.149	10.500	4.500	149	
70	UBND xã Thạnh Mỹ Tây	15.196	10.500	4.500	196	
71	UBND xã Chợ Mới	18.868	10.500	4.500	3.868	
72	UBND xã Cù Lao Giêng	16.547	10.500	4.500	1.547	
73	UBND xã Hội An	17.678	10.500	4.500	2.678	
74	UBND xã Long Điền	16.488	10.500	4.500	1.488	
75	UBND xã Nhơn Mỹ	15.893	10.500	4.500	893	
76	UBND xã Long Kiến	15.893	10.500	4.500	893	
77	UBND xã Phú Tân	20.950	10.500	4.500	5.950	
78	UBND xã Phú An	15.714	10.500	4.500	714	
79	UBND xã Bình Thạnh Đông	15.893	10.500	4.500	893	
80	UBND xã Chợ Vàm	16.904	10.500	4.500	1.904	
81	UBND xã Hòa Lạc	15.952	10.500	4.500	952	
82	UBND xã Phú Lâm	15.714	10.500	4.500	714	
83	UBND Phường Tân Châu	19.775	10.500	4.500	4.775	
84	UBND Phường Long Phú	18.124	10.500	4.500	3.124	
85	UBND xã Tân An	17.683	10.500	4.500	2.683	
86	UBND xã Châu Phong	17.088	10.500	4.500	2.088	
87	UBND xã Vĩnh Xương	18.132	10.500	4.500	3.132	
88	UBND xã An Phú	16.767	10.500	4.500	1.767	
89	UBND xã Vĩnh Hậu	16.101	10.500	4.500	1.101	
90	UBND xã Nhơn Hội	16.012	10.500	4.500	1.012	
91	UBND xã Khánh Bình	19.189	10.500	4.500	4.189	
92	UBND xã Phú Hữu	15.821	10.500	4.500	821	
93	UBND Phường Thới Sơn	17.677	10.500	4.500	2.677	
94	UBND Phường Tịnh Biên	16.785	10.500	4.500	1.785	
95	UBND Phường Chi Lăng	17.083	10.500	4.500	2.083	
96	UBND xã An Cư	17.082	10.500	4.500	2.082	
97	UBND xã Núi Cấm	16.250	10.500	4.500	1.250	
98	UBND xã Ba Chúc	17.083	10.500	4.500	2.083	
99	UBND xã Tri Tôn	17.082	10.500	4.500	2.082	
100	UBND xã Ô Lâm	16.190	10.500	4.500	1.190	
101	UBND xã Cô Tô	17.380	10.500	4.500	2.380	
102	UBND xã Vĩnh Gia	16.547	10.500	4.500	1.547	